

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 25- 9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Hoàng Đắc Hân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (tên viết tắt S); Địa chỉ: 266 - 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức danh: Tổng giám đốc S.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân T - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm sát rủi ro S Chi nhánh Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4016/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 và số 35/2020/GUQ-CNHP ngày 02/01/2020); có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn V sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn G, xã D, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2020 cùng các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/5/2017 anh Lê Văn V có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với S, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, ngày 29/6/2017 anh Lê Văn V xác nhận sử dụng thẻ tín dụng và chịu phí sử dụng thẻ, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất do S công bố và lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất được S công bố, phương thức thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký, anh Lê Văn V từ ngày 30/6/2017 đến ngày 30/4/2019 đã nhận số tiền 43.781.505 đồng và đã trả cho S tổng số tiền 33.751.572 đồng, trong đó trả nợ gốc 21.013.598 đồng, trả phí 3.387.120 đồng, trả lãi 9.350.854 đồng. Nhiều kỳ anh Lê Văn V không thanh toán cho S đúng hạn, do anh Lê Văn V vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 31/5/2019 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn và S chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Lê Văn V. Sau khi anh Lê Văn V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn đã làm việc với anh Lê Văn V yêu cầu trả nợ nhưng anh Lê Văn V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn V phải trả cho S số tiền nợ tính đến hết ngày 24/9/2020 là 35.324.095 đồng, trong đó: nợ gốc 22.767.907 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.556.188 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2020 đến ngày anh Lê Văn V thực trả hết nợ cho S theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký, anh Lê Văn V phải chịu toàn bộ án phí.

Bị đơn là anh Lê Văn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hợp đồng tín dụng và lý do đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Lê Văn V không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bị đơn là anh Lê Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn V.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn xác định ngày 30/5/2017 anh Lê Văn V có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với S, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng, ngày 29/6/2017 anh Lê Văn V xác nhận sử dụng thẻ tín dụng và chịu phí sử dụng thẻ, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất do S công bố và lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất được S công bố, phương thức thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Anh Lê Văn V từ ngày từ ngày 30/6/2017 đến ngày 30/4/2019 đã nhận số tiền 43.781.505 đồng và đã trả cho S tổng số tiền 33.751.572 đồng, trong đó trả nợ gốc 21.013.598 đồng, trả phí 3.387.120 đồng, trả lãi 9.350.854 đồng. Nhiều kỳ anh Lê Văn V không thanh toán cho S đúng hạn, do anh Lê Văn V vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngày 31/5/2019 toàn bộ dư nợ còn thiếu chuyển sang quá hạn và S chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Lê Văn V. Đến hết ngày 24/9/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 35.324.095 đồng, trong đó: nợ gốc 22.767.907 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.556.188 đồng. Do vậy đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ trên cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh đến ngày thực trả hết nợ theo lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 282, Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (tên viết tắt S), buộc anh Lê Văn V phải trả cho S số tiền nợ là 35.324.095 đồng, trong đó: nợ gốc 22.767.907 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.556.188 đồng.

Kể từ ngày 25/9/2020 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Anh Lê Văn V phải chịu 1.766.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 790.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002104 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu